

**TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**



## TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận  
đăng ký doanh nghiệp**

Số 0300625210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019.

**Hội đồng Thành viên**

Ông Phạm Huy Bình  
Ông Nguyễn Bình Minh  
Ông Võ Văn Tuấn

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
(Miễn nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2021)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Bình Minh  
Ông Võ Anh Tài  
Ông Nguyễn Đông Hòa  
Ông Trương Đức Hùng

Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc  
(Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2021)

**Người đại diện theo  
pháp luật**

Ông Nguyễn Bình Minh

Tổng Giám Đốc

**Trụ sở chính**

23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ 6 tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ông **Trương Đức Hùng** - Phó Tổng Giám Đốc của Tổng Công ty để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Thư Ủy quyền ngày tháng năm 2021.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 55. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Trương Đức Hùng**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 14 tháng 8 năm 2021

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.817.845.221.028</b>	<b>4.116.512.191.463</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>808.622.003.723</b>	<b>1.093.590.464.584</b>
111	Tiền		202.695.003.723	279.326.116.099
112	Các khoản tương đương tiền		605.927.000.000	814.264.348.485
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>2.414.847.299.937</b>	<b>2.033.419.240.957</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	2.414.847.299.937	2.033.419.240.957
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>398.500.927.089</b>	<b>800.576.540.445</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	93.633.492.483	253.093.842.926
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		88.670.874.804	105.705.481.240
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	273.304.116.870	499.426.656.739
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(62.909.796.818)	(63.451.680.210)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		5.802.239.750	5.802.239.750
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>72.995.515.160</b>	<b>100.662.027.458</b>
141	Hàng tồn kho		72.995.515.160	100.662.027.458
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>122.879.475.119</b>	<b>88.263.918.019</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		47.160.342.582	23.686.629.841
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	14	62.702.164.621	42.119.139.730
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	13.016.967.916	22.458.148.448

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>7.108.568.785.381</b>	<b>7.015.989.815.537</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>53.286.355.930</b>	<b>53.383.354.079</b>
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	53.286.355.930	53.383.354.079
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>1.936.976.150.101</b>	<b>2.003.888.213.825</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	1.756.507.795.156	1.819.818.088.495
222	Nguyên giá		4.396.511.422.184	4.392.489.558.274
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.640.003.627.028)	(2.572.671.469.779)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	180.468.354.945	184.070.125.330
228	Nguyên giá		279.550.749.058	279.427.349.058
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(99.082.394.113)	(95.357.223.728)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	10	<b>10.050.535.392</b>	<b>11.155.096.392</b>
231	Nguyên giá		89.211.835.425	89.211.835.425
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(79.161.300.033)	(78.056.739.033)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.123.298.360.013</b>	<b>898.976.265.047</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.123.298.360.013	898.976.265.047
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>3.883.359.197.431</b>	<b>3.938.517.996.966</b>
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5(a)	3.209.111.636.972	3.264.270.436.507
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(b)	738.397.870.459	738.397.870.459
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(c)	(64.150.310.000)	(64.150.310.000)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>101.598.186.514</b>	<b>110.068.889.228</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	101.595.186.514	110.065.889.228
268	Tài sản dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>10.926.414.006.409</b>	<b>11.132.502.007.000</b>

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 01a – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.580.912.376.829</b>	<b>1.524.714.977.419</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.221.639.124.002</b>	<b>1.161.306.948.321</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	106.420.343.243	128.187.840.532
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	189.081.712.017	167.719.836.361
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	193.696.091.835	107.327.423.552
314	Phải trả người lao động		108.615.466.829	165.693.086.262
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	115.307.247.435	92.998.162.086
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		101.101.002.257	118.810.193.110
319	Phải trả ngắn hạn khác	16(a)	193.478.253.926	228.373.035.259
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17(a)	51.212.746.021	51.539.710.519
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	162.726.260.439	100.657.660.640
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>359.273.252.827</b>	<b>363.408.029.098</b>
332	Người mua trả tiền trước dài hạn		839.636.364	836.000.000
337	Phải trả dài hạn khác	16(b)	86.917.358.150	90.819.768.666
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17(b)	181.588.768.712	181.586.088.147
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19	56.520.245.173	56.520.245.173
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		33.407.244.428	33.645.927.112
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.345.501.629.580</b>	<b>9.607.787.029.581</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>9.345.501.629.580</b>	<b>9.607.787.029.581</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	6.410.755.000.000	6.410.755.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	21	421.550.729.181	421.550.729.181
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	509.312.934.239	457.115.280.640
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	1.332.823.815.114	1.657.957.627.450
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.474.920.833.993	1.989.064.727.465
421b	- Lỗ sau thuế của kỳ/năm nay		(142.097.018.879)	(331.107.100.015)
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	671.059.151.046	660.408.392.310
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>10.926.414.006.409</b>	<b>11.132.502.007.000</b>

Trần Văn Huy  
Người lập

Nguyễn Thị Thu Tâm  
Kế toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính



**Trương Đức Hùng**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Chữ ký được Ủy quyền  
Ngày 14 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 02a – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	703.791.967.006	1.224.718.656.006
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(87.834.409)	(781.717.249)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24 703.704.132.597	1.223.936.938.757
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25 (725.131.452.516)	(1.197.354.223.779)
20	(Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(21.427.319.919)	26.582.714.978
21	Doanh thu hoạt động tài chính	26 50.518.062.267	68.771.519.002
22	Chi phí tài chính	27 (8.813.265.828)	(8.922.045.175)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	27 (8.732.559.736)	(8.012.376.901)
24	Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(30.115.181.078)	(46.384.377.408)
25	Chi phí bán hàng	28 (26.065.201.903)	(49.987.122.132)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29 (146.226.016.647)	(175.530.702.880)
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(182.128.923.108)	(185.470.013.615)
31	Thu nhập khác	30 6.619.058.533	6.711.684.175
32	Chi phí khác	30 (409.548.098)	(1.223.304.181)
40	Lợi nhuận khác	6.209.510.435	5.488.379.994
50	Tổng lỗ kế toán trước thuế	(175.919.412.673)	(179.981.633.621)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	31 -	(791.152.927)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	19, 31 -	-
60	Lỗ sau thuế TNDN	(175.919.412.673)	(180.772.786.548)
Phân bổ cho:			
61	Lỗ sau thuế của Tổng Công ty	(142.097.018.879)	(158.863.497.998)
62	Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(33.822.393.794)	(21.909.288.550)

Trần Văn Huy  
Người lập

Nguyễn Thị Thu Tâm  
Kế toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính



**Trương Đức Hùng**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Chữ ký được Ủy quyền  
Ngày 14 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lỗ kế toán trước thuế	(175.919.412.673)	(179.981.633.621)
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	73.705.997.681	79.021.754.233
03	Các khoản dự phòng	(541.883.392)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(20.218.926.390)	(22.445.175.527)
06	Chi phí lãi vay	8.732.559.736	8.012.376.901
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(114.241.665.038)</b>	<b>(115.392.678.014)</b>
09	Giảm các khoản phải thu	185.239.932.792	244.311.256.073
10	Giảm hàng tồn kho	27.666.512.298	74.030.631.608
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	25.513.501.500	(158.926.353.788)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(15.003.010.027)	9.155.675.189
14	Tiền lãi vay đã trả	(5.755.115.255)	(6.821.755.002)
15	Thuế TNDN đã nộp	(150.000.000)	(44.569.019.458)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(21.535.900.201)	(69.828.326.120)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>81.734.256.069</b>	<b>(68.040.569.512)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(233.130.276.884)	(165.193.834.887)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	961.120.910	147.441.970
23	Tiền chi đầu tư tài chính ngắn hạn	(4.246.183.282.958)	(2.957.004.257.280)
24	Tiền thu từ đầu tư tài chính ngắn hạn	3.864.755.223.978	2.879.501.522.807
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(87.500.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	278.717.103.384	98.452.044.759
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(334.880.111.570)</b>	<b>(231.597.082.631)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	20.282.424.839	25.043.804.503
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(20.606.708.772)	(17.336.626.669)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(31.498.321.427)	(305.000.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(31.822.605.360)</b>	<b>(297.292.822.166)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(284.968.460.861)</b>	<b>(596.930.474.309)</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	3 1.093.590.464.584	1.842.170.792.343
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3 <b>808.622.003.723</b>	<b>1.245.240.318.034</b>

Trần Văn Huy  
Người lập

Nguyễn Thị Thu Tâm  
Kê toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính



**Phạm Đức Hùng**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Chữ ký được Ủy quyền  
Ngày 14 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) là một doanh nghiệp nhà nước hạch toán kinh tế độc lập, được thành lập theo Quyết định số 1833/QĐ-UB-KT ngày 31 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo hình thức công ty mẹ - Công ty con, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300625210 ngày 1 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019, do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại số 23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế;
- Dịch vụ vũ trường, sauna – massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty (chăm sóc sắc đẹp), cắt, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài Gòn, giặt ủi, làm sạch hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ cảng Sông, cảng biển; dịch vụ cung ứng tàu biển và các phương tiện vận tải đường sông, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; đại lý bán vé tàu hỏa; hoạt động của đại lý bán vé máy bay;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại Khách sạn Cửu Long, khách sạn Đồng Khởi, khách sạn Bến Thành và khách sạn Đệ Nhất) thuộc hệ thống khách sạn của Tổng Công ty;
- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hóa thể thao, chuyển tiền kiều hối, tư vấn đầu tư;
- Đại lý ký gửi hàng hóa, thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy;
- Vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh địa ốc, dịch vụ nhà đất;

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**

- Cho thuê kho bãi, nhà, ki-ốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng;
- Kinh doanh taxi;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mì, bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động;
- Thiết kế thi công, sửa chữa, trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng;
- Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hóa tiêu dùng, hóa chất;
- Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến;
- Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: đại lý các mặt hàng tiêu thủ công mỹ nghệ, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý bán vé tàu hỏa; và
- Cho thuê mặt bằng và tổ chức triển lãm, hội nghị và hội chợ.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn có 4.659 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5.147 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 13 chi nhánh là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

- Khách sạn Bến Thành;
- Khách sạn Cửu Long;
- Khách sạn Đồng Khởi;
- Khách sạn Hoàn Cầu;
- Khách sạn Đệ Nhất;
- Khách sạn Kim Đô;
- Khách sạn Oscar Sài Gòn;
- Khách sạn Đồng Khánh;
- Khách sạn Thiên Hồng;
- Làng du lịch Bình Quới;
- Trường trung cấp Du lịch Khách sạn Saigontourist;
- Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Côn Đảo; và
- Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Thành phố Móng Cái.